

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2019.

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đào Thị Thu Vân**.

2. Bà **Phan Thị Nga**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Bích T**, sinh năm 1980. địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Công G**, sinh năm 1971. địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Phạm Bích T** trình bày: Chị và anh **G** do mai mối được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1997, anh chị không đăng ký kết hôn. Anh chị sống chung không hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không tình cảm, bất đồng quan điểm sống, hay cự cãi, anh chị không còn

chung sống từ năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh G.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Thị Thùy Linh, sinh ngày 04 tháng 01 năm 1998 (hiện nay đã trưởng thành), Huỳnh Thị Mỹ X, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2002 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2007, cháu X, cháu Đ hiện nay sống chung với anh G. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X, cháu Đ, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Bích T xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Phạm Bích T xác định không có.

Tại tờ tự khai ngày 21.3.2019 anh Huỳnh Công G trình bày: Anh cũng thống nhất lời trình bày của chị T. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Thị Thùy L, sinh năm 1998 (hiện nay đã trưởng thành), Huỳnh Thị Mỹ X, sinh ngày 21/5/2002 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 27/01/2007, cháu X, cháu Đ hiện nay sống chung với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử anh không khiếu nại gì về sau.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Công G xác định không có.

- Về nợ chung: Anh Phạm Công G xác định không có.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ cho anh Huỳnh Công G đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh G vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị Phạm Bích T và anh Huỳnh Công G sống chung với nhau năm 1997, không đăng ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị T và anh G là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Thị Thùy L, sinh ngày 04.01.1998, đã trưởng thành không đề cập đến. Riêng 02 cháu Huỳnh Thị Mỹ X, sinh ngày 21.5.2002 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 27.01.2007, hiện đang sống chung với anh G, chị T đồng ý để anh G nuôi 02 con chung. Tòa án tiến hành triệu tập nhưng không ghi nhận được ý kiến của 02 cháu X, Đ. Mặt khác, các cháu X, Đ sống chung với anh G vẫn phát triển về thể chất, tinh thần nên tiếp tục để anh G nuôi hai cháu X,

Đ là phù hợp các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét.

Không công nhận chị Phạm Bích T và anh Huỳnh Công G là vợ chồng.

- Anh Huỳnh Công G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Mỹ X, sinh ngày 21/5/2002 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 27/01/2007, chị Phạm Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Phạm Bích T khởi kiện anh Huỳnh Công G cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Công G có đơn ý kiến xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị T và anh G sống chung với nhau vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh G là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Thị Thùy Linh, sinh năm 1998 (hiện nay đã trưởng thành), Huỳnh Thị Mỹ X, sinh ngày 21/5/2002 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 27/01/2007, cháu X, cháu Đ hiện nay sống chung với anh G. Tòa án tiến hành thu thập tài liệu nhưng không ghi nhận được ý kiến của các cháu. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa chị T cũng đồng ý để anh G được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X, cháu Đ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu X, cháu Đ sống ổn định với anh G vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, chị T cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu X, cháu Đ cho anh G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên

trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh G không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung*: Chị Phạm Bích T, anh Huỳnh Công G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Chị Phạm Bích T, anh Huỳnh Công G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T, anh G xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T, và anh G thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Bích T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 53, 14, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 235, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận chị Phạm Bích T và anh Huỳnh Công G là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Huỳnh Công G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Mỹ X, sinh ngày 21/5/2002 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 27/01/2007, chị Phạm Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Chị Phạm Bích T, anh Huỳnh Công G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Phạm Bích T, anh Huỳnh Công G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T, anh G xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anh G thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Phạm Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012535 ngày 29/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An G. Chị Phạm Bích T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An G;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn